

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 15/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
và một số chương trình, dự án khác**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về việc giao bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và một số chương trình, dự án khác; Báo cáo thẩm tra của Ban

Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và một số chương trình, dự án khác, với tổng kế hoạch vốn là 53,3 tỷ đồng cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 15 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, KTNS(02).ptth.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Địa phương	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Ngân sách TW (theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND)	Ngân sách TW (bổ sung)	
		150.543,2	97.243,2	53.300,0	
A	Các xã thuộc Chương trình	125.543,2	97.243,2	28.300,0	
I	Bình Sơn	14.757,8	10.512,8	4.245,0	
1	Bình Hiệp	3.335,7	2.628,2	707,5	
2	Bình Tân Phú	3.335,7	2.628,2	707,5	
3	Bình Đông	3.335,7	2.628,2	707,5	

4	Bình Hải	707,5	-	707,5	
5	Bình Chánh	707,5	-	707,5	
6	Bình Phước	3.335,7	2.628,2	707,5	
II	Sơn Tịnh	16.678,5	13.141,0	3.537,5	
7	Tịnh Đông	3.335,7	2.628,2	707,5	
8	Tịnh Bình	3.335,7	2.628,2	707,5	
9	Tịnh Hiệp	3.335,7	2.628,2	707,5	
10	Tịnh Thọ	3.335,7	2.628,2	707,5	
11	Tịnh Hà	3.335,7	2.628,2	707,5	
III	TP Quảng Ngãi	6.671,4	5.256,4	1.415,0	
12	Tịnh Hòa	3.335,7	2.628,2	707,5	
13	Tịnh Ấn Đông	3.335,7	2.628,2	707,5	
IV	Tư Nghĩa	26.685,5	21.025,5	5.660,0	
14	Nghĩa Thương	3.335,7	2.628,2	707,5	
15	Nghĩa Phương	3.335,7	2.628,2	707,5	
16	Nghĩa Điền		2.628,2	707,5	

		3.335,7			
17	Nghĩa Kỳ	3.335,7	2.628,2	707,5	
18	Nghĩa Thuận	3.335,7	2.628,2	707,5	
19	Nghĩa Thắng	3.335,7	2.628,2	707,5	
20	Nghĩa Mỹ	3.335,7	2.628,2	707,5	
21	Nghĩa Sơn	3.335,7	2.628,2	707,5	
V	Nghĩa Hành	13.342,8	10.512,8	2.830,0	
22	Hành Đức	3.335,7	2.628,2	707,5	
23	Hành Dũng	3.335,7	2.628,2	707,5	
24	Hành Tín Tây	3.335,7	2.628,2	707,5	
25	Hành Trung	3.335,7	2.628,2	707,5	
VI	Mộ Đức	20.014,2	15.769,2	4.245,0	
26	Đức Nhuận	3.335,7	2.628,2	707,5	
27	Đức Hiệp	3.335,7	2.628,2	707,5	
28	Đức Thắng	3.335,7	2.628,2	707,5	
29	Đức Chánh		2.628,2	707,5	

		3.335,7			
30	Đức Lân	3.335,7	2.628,2	707,5	
31	Đức Phong	3.335,7	2.628,2	707,5	
VII	Đức Phố	4.043,2	2.628,2	1.415,0	
32	Phổ Châu	3.335,7	2.628,2	707,5	
33	Phổ Khánh	707,5	-	707,5	
VIII	Ba Tơ	6.671,4	5.256,4	1.415,0	
34	Ba Động	3.335,7	2.628,2	707,5	
35	Ba Cung	3.335,7	2.628,2	707,5	
IX	Minh Long	6.671,4	5.256,4	1.415,0	
36	Long Sơn	3.335,7	2.628,2	707,5	
37	Thanh An	3.335,7	2.628,2	707,5	
X	Sơn Hà	6.671,4	5.256,4	1.415,0	
38	Sơn Thành	3.335,7	2.628,2	707,5	
39	Sơn Hạ	3.335,7	2.628,2	707,5	
XI	Trà Bông	3.335,7	2.628,2	707,5	

40	Trà Phú	3.335,7	2.628,2	707,5	
B	Đối với các huyện	25.000,0	-	25.000,0	
I	Huyện Sơn Tây (huyện trắng xã nông thôn mới)	25.000,0	-	25.000,0	Phân khai chi tiết sau